

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU
Polymer Anion A1120**1. HÀNG HÓA VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY****Tên sản phẩm:** Polymer Anion A1120**Mô tả Sản phẩm:** Dạng rắn**Công thức:** CONH₂[CH₂-CH-]_n**Tên gọi:** Polymer Anion, APAM, Anionic Polyacrylamide, Flocculant, chất trợ lắng. **Số CAS:** 9003-05-8 **EINECS số :** 236-79-8**Ứng dụng :** trong ngành công nghiệp, xử lý nước**Xác định công ty:****CÔNG TY TNHH THIÊN ĐẠI PHÚC****61S1 lê Thị Vân, KDC An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai****Tel: 0251 3.686.773****Fax: 0251 3.686.775****2. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN**

<u>Đặc tính</u>	<u>Kết quả</u>	<u>Đơn vị tính</u>
Độ nhớt	4.3	Cps
Chất rắn	93	%

Không có giới hạn tiếp xúc cho phép (PEL / TLV) đã được thành lập bởi OSHA hoặc ACGIH.

3. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM**Ngoại hình và MÙI:.**

Màu: Trắng đến vàng nhạt.

Ngoại hình: dạng hạt

mùi: không mùi

ẢNH HƯỞNG CỦA XÚC:

Các ước tính cấp đường uống (chuột) LD₅₀, da cấp tính (thỏ) LD₅₀ và 4 giờ hít (chuột) giá trị LC₅₀ này vật chất là > 2500 mg / kg, > 10.000 mg / kg và > 20 mg / L, tương ứng. Các sản phẩm tương tự được sản xuất không có mắt kích thích và không gây kích ứng da trong những thử nghiệm kích thích chính ở thỏ.

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU**Nuốt phải:** Nếu nuốt phải, hãy gọi bác sĩ ngay lập tức. Đừng bao giờ đưa vật gì vào miệng nạn nhân bất tỉnh.**Tiếp xúc ngoài da:** Rửa sạch ngay lập tức với nhiều nước và xà phòng.**Tiếp xúc mắt:** Rửa sạch ngay với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút.**Hít phải:** Chất liệu dự kiến sẽ không có hại nếu hít phải. Di chuyển đến không khí trong lành. Nếu thở khó khăn, cung cấp oxygen.**Tiếp xúc với da:****5. BIỆN PHÁP CHỮA-CHỮA CHÁY****Thích hợp chữa cháy Media:** Sử dụng nước phun hay sương mù, carbon dioxide hoặc hóa chất khô.**Thiết bị bảo vệ:** Nhân viên cứu hỏa, và những người khác tiếp xúc, mặc thiết bị thở khép kín.

Nguy hại đặc biệt: Bụi có thể nổ nếu trộn với không khí theo tỷ lệ quan trọng và trong sự hiện diện của một nguồn phát lửa.

6. BIỆN PHÁP TAI NẠN

Cảnh báo cá nhân:

Tham khảo Phần 8 (Exposure Controls / Bảo vệ cá nhân) cho các thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp.

Với các phương pháp làm sạch: Trơn khi ướt. Gom vào thùng chứa để xử lý. Khu vực tràn xả với nước. Nếu trượt vẫn còn áp dụng càng khô, quét hợp chất. Ngăn chặn hệ thống cống rãnh chất lỏng vào.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

XỬ LÝ

Các biện pháp phòng ngừa: Tràn lan nên được hút lên hoặc bị xóa ngay lập tức, và các khu vực tràn dầu rửa bằng nước.

Báo cáo xử lý đặc biệt: Duy trì tốt vệ sinh để kiểm soát sự tích lũy bụi.

BẢO QUẢN

Để tránh sự xuống cấp sản phẩm và thiết bị ăn mòn, không sử dụng sắt, đồng hoặc nhôm hoặc thiết bị.

Chất liệu là hút ẩm và không nên tiếp xúc với hơi ẩm để duy trì tính toàn vẹn của sản phẩm.

Nhiệt độ bảo quản: Bảo quản ở <32 ° C 90 ° F

Lý do: Liêm.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các biện pháp kỹ thuật: Kiểm soát kỹ thuật thường không cần thiết nếu thực hành vệ sinh tốt là theo sau.

Bảo vệ hô hấp: Không khuyến cáo

Bảo vệ mắt: Đeo mắt / bảo vệ mặt.

Bảo vệ da: Tránh tiếp xúc với da. Đeo găng tay không thấm nước.

Lời khuyên bổ sung: Trước khi ăn, uống, hoặc hút thuốc, rửa mặt và tay kỹ bằng xà phòng và nước.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA

Màu: trắng đến vàng nhạt

Xuất hiện: dạng hạt

mùi: không có mùi

Điểm sôi: không áp dụng

Độ nóng chảy: Không có sẵn

Áp suất hơi: Không có sẵn

Tỷ trọng / Mật độ: 0,75 - 0.95g / ml

Mật độ hơi: Ổn định

Phần trăm dễ bay hơi (% theo trọng lượng.): Không có sẵn

pH: 8-13 (nước)

Saturation Trong không khí (% Bằng Vol.): Không có sẵn

Tỉ lệ bay hơi: Không có sẵn

Độ hòa tan trong nước: Giới hạn bởi độ nhớt

Volatile Organic Content: không áp dụng

Điểm sáng: không áp dụng

Giới hạn dễ cháy (% Bằng Vol): Không có sẵn

Nhiệt độ tự bốc cháy: > 150 ° C 302 ° F

Nhiệt độ phân hủy: > 150 ° C 302 ° F

Hệ số phân (n octanol / nước): Không có sẵn

Mùi Threshold: Không có sẵn

10. ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Độ ổn định: ổn định

Điều kiện cần tránh

Tránh tiếp xúc với các vật liệu kiềm sẽ làm suy giảm các polymer.

Tương thích

Oxy hóa rất mạnh .

SẢN PHẨM NGUY HẠI DECOMPOSITION: carbon dioxide, carbon monoxide, ammonia, các oxit nito, oxit lưu huỳnh (bao gồm lưu huỳnh di và tri oxit)

11. THÔNG TIN ĐỘC

EEC CHẤT / CHUẨN BỊ độc tính phân loại

Không áp dụng miệng LD50 (chuột): > 5000 mg / kg (ước tính)

LD50 da (thỏ): Không áp dụng > 10000 mg / kg (ước tính)

Hít phải LC50 (4 giờ chuột): Không áp dụng > 20,0 mg / L (ước tính)

Kích thích da (thỏ): Không khó chịu

Kích thích mắt (thỏ): Không khó chịu

Tính về da: Không nhạy cảm

Hít phải Độc Tính: Không nhạy cảm

Khảo nghiệm Ames Salmonella: Không có dữ liệu

Hại tiềm tàng

Dữ liệu độc tính DƯA NGUY HẠI

000124-04-9 Adipic axit

Cấp tính LD50 (thực tế) uống (gavage) chuột > 11000 mg / kg Không áp dụng

Kích thích mắt cấp tính thỏ Dị ứng

Cấp Da Kích thích Không khó chịu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

ĐÁNH GIÁ

Không có ảnh hưởng xấu đến môi trường dự kiến sẽ sử dụng hợp lý và xử lý sản phẩm này.

LC50 quyết định mà không có thêm chất rắn lơ lửng đánh giá quá cao độc tính thực sự của cation polymer.

Chất rắn lơ lửng và các vật liệu hữu cơ hòa tan khác như axit humic có mặt trong vùng nước tự nhiên và làm giảm nồng độ hiệu quả của các polymer và do đó độc tính của nó.

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Octanol/H₂O Partition Coef: Không áp dụng.

13. XEM XÉT XỬ

KMR khuyến khích việc tái chế, phục hồi và tái sử dụng vật liệu, nếu được phép, như là một thay thế cho xử lý như một chất thải. KMR khuyến cáo rằng các chất hữu cơ phân loại chất thải nguy hại theo quy định của địa phương có liên quan hoặc quy định quốc gia được xử lý bằng cách xử lý nhiệt hoặc đốt tại các cơ sở đã được phê duyệt. Tất cả các địa phương và quốc gia quy định cần được theo sau.

THÔNG TIN 14. VẬN TẢI

Phần này cung cấp thông tin phân loại vận chuyển cơ bản. Tham khảo quy định vận chuyển thích hợp cho cụ thể yêu cầu.

Mỹ DOT

Đúng Tên Vận chuyển: Không áp dụng / Không quy định

Các chất độc hại: không áp dụng

VẬN TẢI CANADA

Đúng Tên Vận chuyển: Không áp dụng / Không quy định

ICAO / IATA

Đúng Tên Vận chuyển: Không áp dụng / Không quy định

Đóng gói Hướng dẫn / Số lượng Net tối đa mỗi gói:

Hành khách máy bay:

Cargo Aircraft:

IMO

Đúng Tên Vận chuyển: Không áp dụng / Không quy định

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Sản phẩm này đã được phân loại theo các tiêu chuẩn rủi ro của các quy định sản phẩm kiểm soát và điều này MSDS chứa tất cả các thông tin theo yêu cầu của Quy định sản phẩm kiểm soát.

WHMIS Phân loại:

Không WHMIS kiểm soát

16. THÔNG TIN KHÁC

NFPA Hazard Đánh giá (Hiệp hội bảo vệ Hỏa Quốc)

Sức khỏe: 0 - Vật liệu rằng trong điều kiện khẩn cấp, sẽ cung cấp không có nguy cơ vượt ra ngoài dễ cháy thường nguyên vật liệu.

Fire: 1 - Vật liệu phải được làm nóng trước trước khi đánh lửa có thể xảy ra.

Độ phản ứng: 0 - Vật liệu rằng trong chính họ là bình thường ổn định, ngay cả trong điều kiện tiếp xúc với lửa.

Thông tin này được đưa ra mà không có bất kỳ bảo hành hoặc đại diện. Chúng tôi không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý cho cùng, chúng ta cũng không cho phép, xui khiến, hoặc đề nghị để thực hành bất cứ phát minh sáng chế mà không có giấy phép. Nó được cung cấp duy nhất để xem xét, điều tra của mình, và xác minh. Trước khi sử dụng bất kỳ sản phẩm, đọc nhãn của nó.
